



NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÃ HỘI HÓA TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Phạm Thị Giang Thu¹

Nguyễn Văn Cử²

Tóm tắt: Xã hội hóa giáo dục đại học là vấn đề mới đặt ra trong giai đoạn hiện nay, vì vậy còn có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này, bao gồm cơ sở thực hiện xã hội hóa và nội dung pháp luật về xã hội hóa giáo dục đại học. Bài viết của tập thể tác giả đề cập đến ba nội dung chính: (i) Những vấn đề cơ bản về xã hội hóa giáo dục đại học; (ii) Các bộ phận cấu thành pháp luật về xã hội hóa giáo dục đại học; (iii) Yêu cầu cần đảm bảo khi điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động xã hội hóa giáo dục đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: Xã hội hóa, giáo dục đại học, pháp luật; Việt Nam.

Nhận bài: 28/11/2019; Hoàn thành biên tập: 03/12/2019; Duyệt đăng: 19/12/2019.

Abstract: Since socialization of higher education is a new issue set out in the current period, there are different ideas about this issue including units which carry out the socialization and legal issue on the socialization of higher education. The group of authors mention three main contents: (i) Basic issues related to socialization of higher education; (ii) legal components on higher education; (iii) Requirements are needed when the legal adjustment is applied to the socialization of higher education in Vietnam.

Keywords: Socialization, higher education, law, Vietnam.

Date of receipt: 28/11/2019; **Date of revision:** 03/12/2019. **Date of approval:** 19/12/2019.

1. Những vấn đề cơ bản về xã hội hóa và xã hội hóa giáo dục đại học

Khi nói đến xã hội hóa, bản thân nó đã hàm chứa nội dung mang một vấn đề thuộc yếu tố riêng tư hoặc đơn nhất thành vấn đề mang tính chất công cộng. Nhiều công trình đã nghiên cứu về xã hội hóa như quan điểm của N. K. Gontscharov, theo đó, “xã hội hóa là quá trình cá nhân hòa nhập vào xã hội hay vào một trong các nhóm của họ thông qua quá trình học các chuẩn mực từng nhóm và của xã hội”³.

Về quan điểm xã hội hóa giáo dục đại học ở Việt Nam, cũng có ý kiến cho rằng “xã hội hóa giáo dục là quá trình chuyển giao những

nội dung, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục mà Nhà nước không nhất thiết phải làm, phải thực hiện cho người dân và các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện trên cơ sở những quy định, quy chuẩn của nhà nước nhằm tập hợp nguồn lực xã hội để cùng thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng xã hội học tập”⁴. Nếu hiểu xã hội hóa giáo dục là như vậy thì xã hội hóa giáo dục đại học là một phần trong đó.

Với khái niệm chung như đã đề cập, có thể chỉ ra rằng, xã hội hóa là quá trình hòa nhập của cá nhân, của một chủ thể đơn nhất vào cộng đồng hay nhóm cộng đồng. Ngược lại, xã

¹ Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

² Thạc sĩ, Văn phòng Bộ Giáo dục Đào tạo

³ Nguồn: N. K. Gontscharov, Sowjetskaja pedagogika”, Moskau, Nr. 4, 1957 (Original title: 0 perspektivnom plane razvitija narodnogo obrazovanija v SSSR na blizajšie 15-20 let) “Utsiteljskaja gasetta”, Moskau, 2fL April 1957 (Original title: Vsesojuznoe sovescanie rabotnikov skolintematov)

⁴ <http://tailieu.ttdb.gov.vn:8080/index.php/tin-tuc/tin-tuc-ho-tro-boi-duong/item/964-quan-diem-ve-xa-hoi-hoa-giao-duc-o-viet-nam-hien-nay>, quan điểm về xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay, truy cập ngày 25.10.2019

hội hóa giáo dục cũng được hiểu là việc các chủ thể khác nhau trong xã hội đầu tư toàn diện cho thể thống giáo dục đại học.

Nói khác đi, xã hội hóa giáo dục đại học có hai nội dung cơ bản:

- Ở góc độ sự tác động, hỗ trợ từ cộng đồng đối với hoạt động giáo dục đại học, đó là các biện pháp cần thiết để đưa nguồn lực toàn diện vào lĩnh vực giáo dục đại học một cách tích cực và hiệu quả.

- Ở góc độ hòa nhập của một chủ thể/nhóm chủ thể cụ thể vào cộng đồng xã hội hoặc một phần cộng đồng xã hội, xã hội hóa giáo dục đại học là việc thực hiện các biện pháp cần thiết để tạo ra và chuyển giao những sản phẩm hiệu quả, chất lượng tốt. Sản phẩm này có thể là con người có trình độ cao hoặc các sản phẩm khoa học được áp dụng vào thực tế.

Từ cách hiểu về xã hội hóa giáo dục đại học, có thể chỉ ra những đặc điểm cơ bản về vấn đề này như sau:

Một là, xã hội hóa giáo dục đại học là hiện tượng xã hội chỉ xuất hiện trong điều kiện chính trị, kinh tế nhất định. Giáo dục đại học là hoạt động không tạo ra sản phẩm được định giá một cách trực tiếp, chính xác về giá trị nên khả năng thu hồi từ những chi phí đã trả cho hoạt động đào tạo này được tính toán trên những yếu tố phát triển kinh tế xã hội khác. Như thế các yếu tố “đầu tư” cũng như “chi phí đầu vào” của hoạt động đào tạo đại học lớn nhưng lại không có khả năng bù đắp đầy đủ. Phần bù đắp một phần được thực hiện trên cơ sở “học phí” của người học, tuy nhiên đây chỉ là phần nhỏ trong tổng nhu cầu cho hoạt động đào tạo, điều đó lý giải nhiều các nhà đầu tư không “mặn mà” với giáo dục đại học. Thêm nữa, cũng chính từ lý do “không có khả năng thu hồi trực tiếp” nên Nhà nước là chủ thể chủ yếu và thường xuyên đầu tư cho giáo dục đại học. Tất cả các kết quả đầu tư cho giáo dục đại học ở các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ ở châu Mỹ, Vương quốc Anh ở châu Âu hay Singapore ở Đông Nam Á, tỷ lệ vốn Nhà nước đầu tư cho giáo dục luôn đóng vai trò quyết định. Tuy nhiên, khi nguồn ngân sách nhà nước ngày

càng hạn hẹp so với nhu cầu chi tiêu, việc chia sẻ trách nhiệm với các chủ thể có năng lực và có tiềm năng trong xã hội là điều phù hợp.

Bên cạnh nhu cầu chia sẻ trách nhiệm đầu tư là nhu cầu tự thân của các chủ thể mong muốn tham gia vào hoạt động đào tạo đại học với nhiều tư cách khác nhau, mà trước hết là phát huy năng lực, kinh nghiệm của các nhà khoa học, doanh nhân tâm huyết và bản thân doanh nghiệp muốn có sản phẩm cho chính lĩnh vực của mình. Những kết quả “đầu ra” của đào tạo đại học nói chung ở chừng mực nhất định chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, vì vậy nhóm chủ thể này quyết định đầu tư cho chính mình và phục vụ nhu cầu xã hội.

Hai là, xã hội hóa giáo dục đại học luôn đặt ra giới hạn hay ngưỡng của “xã hội hóa”, nhằm hướng tới cơ hội hưởng lợi cho các chủ thể thụ hưởng. Việc tham gia của các chủ thể trong xã hội trong lĩnh vực giáo dục đại học ảnh hưởng đến nhiều mục tiêu, trong đó vấn đề mục tiêu lợi nhuận hoặc vấn đề gánh nặng chi phí cho người học luôn là nội dung cần được đặc biệt quan tâm. Mức độ lợi nhuận đến đâu là có thể chấp nhận được, mức độ chi trả thế nào để có thể thu hút được người học luôn là nội dung được đặc biệt quan tâm. Khi mục tiêu và yêu cầu của chủ thể đầu tư và người hưởng lợi không đồng nhất thì cần có “giới hạn” hay “ngưỡng” mà cả hai bên cần phải chấp nhận.

Ba là, xã hội hóa giáo dục đại học chỉ đặt ra khi năng lực của Nhà nước và của xã hội đặt ra yêu cầu cần sự tiếp sức đồng bộ và yêu cầu về sản phẩm giáo dục đại học phục vụ được nhu cầu thiết yếu của cả xã hội mà không chỉ đáp ứng cho một nhóm chủ thể nhất định, cho dù chủ thể đó là chủ thể quyền lực như Nhà nước cầm quyền.

Giáo dục đại học hướng tới việc tạo ra những sản phẩm có chất lượng tri thức nhất định cho xã hội, trong đó Nhà nước là chủ thể thụ hưởng cả ở góc độ trực tiếp và gián tiếp. Điều đó lý giải vì sao Nhà nước luôn đầu tư cho giáo dục, tuy nhiên lại luôn gặp phải trở ngại về khả năng đầu tư. Đầu tư cho giáo dục đại học rất quan trọng, cần có nguồn vốn từ Nhà nước,



mà cụ thể từ ngân sách nhà nước, nhưng nguồn kinh phí này ngày càng hạn hẹp so với nhu cầu sử dụng. Vì vậy, việc Nhà nước san sẻ trách nhiệm đầu tư cho các chủ thể có năng lực tài chính và có nhu cầu đầu tư để tạo ra những sản phẩm có giá trị cho xã hội là có thể lý giải được.

Bốn là, xã hội hóa giáo dục đại học luôn gắn với yêu cầu quản lý nhà nước, cho dù cách thức và phương pháp quản lý ở các quốc gia có thể là khác nhau. Để phát triển giáo dục đại học đúng hướng và thông nhất, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, không trái với những nguyên tắc về chính trị xã hội mà quốc gia có chủ quyền đang xây dựng, nhất thiết cần tới sự can thiệp từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, cách thức và mức độ can thiệp này có thể khác nhau: bằng con đường quản lý hành chính nhà nước hoặc bằng con đường xây dựng quản lý gián tiếp.

2. Cấu thành pháp luật điều chỉnh hoạt động xã hội hóa giáo dục đại học

Xuất phát từ việc xác định nội hàm của xã hội hóa giáo dục đại học, có thể nhận định pháp luật điều chỉnh những vấn đề có liên quan đến xã hội hóa giáo dục đại học này có bốn nhóm quy định pháp luật sau đây:

Nhóm 1, xác định các thuật ngữ pháp lý để giải thích được những nội dung chủ yếu liên quan đến xã hội hóa giáo dục đại học cũng như các nguyên tắc pháp lý cần tuân thủ trong quá trình thực thi hoạt động giáo dục đại học.

Xã hội hóa giáo dục đại học thực tế diễn ra ở Việt Nam trong khoảng thời gian chưa lâu và còn nhiều cách hiểu khác nhau về nội dung của xã hội hóa giáo dục đại học cùng với những yêu cầu của nó. Vì vậy, cần có cách hiểu thống nhất để có thể thực hiện đầy đủ, có hiệu quả và đúng hướng trong lĩnh vực này. Những thuật ngữ pháp lý được ghi nhận tại các văn bản pháp luật sẽ là cơ sở để đánh giá việc thực thi và tính tuân thủ pháp luật.

Nhóm 2, quy định pháp luật điều chỉnh việc tham gia từ các chủ thể ngoài Nhà nước vào hoạt động giáo dục đại học. Nhóm quy định này có thể bao gồm những nội dung như xác định loại chủ thể có thể tham gia, điều kiện để

tham gia, phương thức thực hiện hoạt động đầu tư hoặc mô hình thực hiện, nguyên tắc trong đầu tư... Đây là lĩnh vực quan trọng, thường được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau mà không nhất thiết phải thể hiện trong một văn bản đơn hành.

Nhóm 3, quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động của các cơ sở đại học với tư cách là một chủ thể cung cấp sản phẩm đặc biệt cho xã hội, có nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng tham gia phục vụ xã hội của các nhà khoa học. Nhóm quy định pháp luật này bao gồm:

- Quy định về khung chương trình đào tạo;
- Quy định về điều kiện mở ngành đào tạo mới;
- Quy định về tiêu chuẩn đầu ra đối với người học cho từng chương trình đào tạo.

Nhóm 4, quy định pháp luật xác định giới hạn trong các cách thức, phương pháp và mức độ xã hội hóa giáo dục đại học. Do cá yếu tố tham gia của các chủ thể tham gia vào giáo dục đại học cũng như yêu cầu đối với các sản phẩm do hệ thống cơ sở đại học tạo ra cần phải đạt tiêu chuẩn nhất định; tính lan tỏa, ảnh hưởng của xã hội hóa giáo dục đại học nên pháp luật cần phải tiên lượng trước giới hạn và điều kiện khi thực hiện hoạt động đặc biệt này. Những giới hạn có thể bao gồm: giới hạn trong mục tiêu tham gia vào hoạt động giáo dục đại học, các chủ thể không được phép tham gia, tỷ lệ và mức độ tham gia vào một cơ sở đại học hiện hữu, giới hạn trong việc cung cấp các sản phẩm.

Nhóm 5, quy định pháp luật về quản lý và đánh giá hoạt động giáo dục đại học nhằm đảm bảo hoạt động xã hội hóa được thực hiện có hiệu quả. Những quy định này có thể bao gồm:

- Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động xã hội hóa giáo dục đại học;
- Quy định về hoạt động thẩm định, đánh giá chất lượng giáo dục đại học, là cơ sở để xác định chất lượng sản phẩm của xã hội hóa giáo dục đại học;
- Quy định về sự tham gia của các tổ chức phi nhà nước hoạt động vì mục tiêu phi lợi nhuận gắn với kết quả hoạt động của tổ chức giáo dục đại học;

3. Yêu cầu cần đảm bảo khi điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động xã hội hóa giáo dục đại học tại Việt Nam

Để thực hiện được nhiệm vụ xã hội hóa giáo dục đại học, theo chúng tôi, cần quán triệt nhận thức và một số yêu cầu sau đây:

Một là, xác định trường đại học là loại mô hình đặc biệt (liên quan đến vấn đề huy động nguồn và tính chịu trách nhiệm về việc sử dụng, hoàn trả nguồn vốn). Hiện nay, mô hình đại học hay trường đại học đều xác định là pháp nhân đầy đủ. Điều này không chỉ được quy định ở Việt Nam mà còn phổ biến trên phạm vi toàn cầu. Có thể dẫn đến các trường công lập có chất lượng cao của bang California như Đại học California (UC) San Diego, Đại học California tại Davis, Đại học San Jose State University¹. Tuy nhiên, Việt Nam, đối với các Đại học công lập hay Trường đại học công lập, đây đều là các đơn vị sự nghiệp có thu. Điểm cần nhấn mạnh rằng, nếu quy định đại học công lập là đơn vị sự nghiệp, cho dù có nguồn thu tại đơn vị hay không, thì cơ chế nhận nguồn lực tài chính từ các nguồn ngoài nguồn “tài chính công” hoàn toàn không đơn giản. Bên cạnh cơ chế khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn thu thì việc xác định các loại tài sản và sử dụng nguồn tài chính ngoài ngân sách luôn có áp lực về điều kiện chi ngặt nghèo hơn so với các chủ thể là doanh nghiệp.

Vấn đề tiếp theo cần giải quyết, đó là mô hình đặc biệt ở đây cần được hiểu thế nào cho đúng. Chúng tôi cho rằng, tính đặc biệt của mô hình này gắn với yêu cầu xã hội hóa (là chủ đề chính được đề cập trong bài viết này) dưới góc độ kinh tế tài chính, vì thế, có một yếu tố cần tạo ra cho các đại học hay trường đại học:

Cần coi loại chủ thể này là doanh nghiệp có quyền tạo lập vốn và sử dụng vốn. Như vậy nếu đề xuất này được chấp thuận, vì quy định tại loại văn bản pháp luật cụ thể nào sẽ còn tiếp tục được cân nhắc tính toán. Tuy nhiên, chúng tôi nhận định việc quy định tại Luật doanh nghiệp không phải là sự lựa chọn.

Cần có đại diện phần vốn sở hữu của Nhà nước tại cơ sở đại học công lập. Điều này không làm mất đi nguyện vọng “bỏ cơ quan chủ quản đối với cơ sở đại học công lập” nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước tại cơ sở đại học công lập. Người đại diện phần vốn nhà nước không đồng nghĩa với người đại diện cơ quan quản lý nhà nước tại cơ sở đại học và không làm ảnh hưởng đến những mục tiêu đào tạo được thể hiện trong các quyết định của Hội đồng Trường.

Có cơ chế tài chính thích hợp để quản lý và thực hiện đối với những khoản vốn mà đại học hay trường đại học nhận được đầu tư, hay liên kết, hay các nguồn tài trợ, hay vay của các chủ thể kinh tế khác. Đồng thời với việc quy định cơ chế tài chính là quy định trách nhiệm của các cá nhân có thẩm quyền quyết định, quản lý và sử dụng các nguồn vốn này.

Cần có cơ chế xác định “giá trị” đối với cơ sở đại học khi các chủ thể này tham gia vào các giao dịch tín dụng hay liên kết tài chính để thực hiện đào tạo hoặc thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học mà sản phẩm của quá trình này có thể là hàng hóa có giá trị thương mại cao. Vấn đề này dường như quá thiên về lợi ích kinh tế, tuy nhiên lại là những yếu tố quan trọng khi cơ sở đại học có nhu cầu thiết lập quan hệ vay vốn tại tổ chức tín dụng hoặc giao kết các hoạt động nghiên cứu khoa học có phân chia kết quả hoạt động. Hình ảnh của các cơ sở đại học có uy tín, có chất lượng về giáo dục và sản phẩm của giáo dục không khác gì so với hình ảnh nhận diện của các doanh nghiệp có uy tín khi thực hiện các giao dịch thương mại hay phi thương mại.

Cần có sự tương đồng về phân bổ lợi ích tài chính (nếu có) đối với nguồn vốn tự huy động, liên kết so với các cơ sở đại học tự thực hoặc đại học có nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Chỉ có sự tương đồng như thế mới tạo ra động lực và tính công bằng tương đối giữa các cơ sở đại học cùng mục tiêu giáo dục đào tạo trên lãnh thổ Việt Nam.

¹ Báo cáo đợt công tác Liên bang Hoa Kỳ của Đoàn công tác của Trường Đại học Luật Hà Nội 8.2019 về hệ thống các trường đại học công lập tạo Bang California.



Cần tạo ra cơ chế sử dụng hữu ích nhất nguồn nhân lực của các cơ sở đại học bên cạnh việc nâng cao yêu cầu về tiêu chuẩn “đầu ra” của đại học hay trường đại học công lập. Cơ chế sử dụng hữu ích nguồn lực tạo ra cho cơ sở đại học nói chung và đại học công lập nói riêng cơ hội công hiến và trao cho xã hội những sản phẩm có giá trị cao, đồng thời đơn vị đào tạo và nguồn nhân lực của các đơn vị này cũng tiếp cận nhanh chóng, chính xác và thu lại lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất từ quá trình cung cấp sản phẩm.

Hai là, duy trì hỗ trợ tài chính từ Ngân sách Nhà nước và các hỗ trợ khác từ Nhà nước. Cần khẳng định việc tiếp tục hỗ trợ tài chính từ ngân sách (thông qua chế độ chi đầu tư theo Luật ngân sách nhà nước hoặc giao vốn theo Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước, chi hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, chi đầu tư của các bộ ngành cho các lĩnh vực giáo dục đại học mà bộ ngành quản lý. Bất kỳ quốc gia nào cũng hướng đến đầu tư cho giáo dục, trong đó có giáo dục đại học.

Paul T.Hill trong cuốn “Sơ lược về các trường học Hoa Kỳ” do Terry M.Moe chủ biên đã nhận định rằng “Giáo dục công là một điều gì đó sâu xa, một cam kết lâu dài của nước Mỹ với việc giáo dục trẻ em bằng bất cứ phương tiện hiệu quả nào”. Vì thế những vấn đề liên quan đến “kế hoạch ngân sách rõ ràng, tính viên chức của các giáo viên, hay sự độc quyền của chính quyền” cũng được đề cập tới⁶. Với lập luận này, các quốc gia đặc biệt coi trọng giáo dục đại học đã có những quan điểm cụ thể về đầu tư cho giáo dục đại học.

Tại Hoa Kỳ, Chính phủ Hoa Kỳ cung cấp tài chính cho cả đại học công và tư⁷. Ngân sách của chính quyền liên bang đổ vào giáo dục đại học chủ yếu là để hỗ trợ tài chính cho các sinh viên xuất sắc. Ngân sách bang chủ yếu đổ vào việc vận hành hoạt động của trường đại học (tiền lương, quản trị, mua sắm của đại học).

Với Australia, Chính phủ Úc có trách

nhệm chính trong việc tài trợ cho giáo dục đại học. Chính phủ Úc tài trợ kinh phí cho giáo dục đại học thông qua các chương trình: chương trình trợ cấp của Chính phủ Liên bang cho một số lượng nhất định hàng năm; chương trình cho vay và hỗ trợ tài chính cho sinh viên; các chương trình học bổng của Nhà nước; và các khoản tài trợ cho các mục đích cụ thể bao gồm chất lượng, học tập và giảng dạy, nghiên cứu và các chương trình đào tạo nghiên cứu. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quản lý khoản tài trợ này nhằm thúc đẩy và phát triển giáo dục đại học.

Hoặc đối với Liên bang Đức. Hệ thống giáo dục đại học của Đức được Nhà nước bao cấp, sinh viên đi học chỉ đóng một phần học phí rất thấp, kể cả sinh viên nước ngoài. Chính phủ liên bang đóng một vai trò rất hạn chế trong việc quản lý và phát triển giáo dục. Chính phủ các bang quyết định chính sách phát triển giáo dục theo cách thức riêng.

Với nước châu Á như Nhật Bản thì cơ cấu tài chính cho giáo dục đại học công (trung ương và địa phương) bao gồm khoảng cấp từ ngân sách nhà nước theo hình thức trọn gói.

Như thế, có thể chỉ ra rằng, việc đầu tư cho giáo dục đại học là yêu cầu thiết yếu để xây dựng nguồn nhân lực cho mỗi quốc gia, luôn phân bổ nguồn kinh phí đáng kể cho đầu tư giáo dục nói chung và đầu tư cho giáo dục đại học nói riêng.

Đối với Việt Nam, quan điểm về đầu tư cho giáo dục đại học từ phía Nhà nước đã là truyền thống ngàn đời. Ví dụ tiêu biểu nhất có thể chỉ ra chính là sự ra đời của đại học đầu tiên của nhà nước phong kiến, Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Bên cạnh đó, việc duy trì hoạt động các trường đại học đã thành lập từ trước 1945 ở miền Bắc (như đại học Y Hà Nội, Đại học Dược, Đại học Mỹ thuật...) và trước 1975 ở miền trung và miền Nam (như Viện Đại học Sài Gòn), thành lập nhiều trường Đại học công lập có uy tín. Việc duy trì hoạt động của các trường đại học công lập chiếm tỷ trọng

⁶ Sơ lược về các trường học Hoa Kỳ. Terry M Moe chủ biên. Nxb chính trị quốc gia 2005. tr.428.

⁷ Higher education act of 1965.

kinh phí nhất định trong tổng chi ngân sách nhà nước, nhưng luôn là nguồn tài chính không thể thiếu cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực²¹. Bên cạnh sự hỗ trợ bằng nguồn kinh phí, Nhà nước có thể hỗ trợ bằng nhiều nguồn khác mà chỉ Nhà nước mới có năng lực thực hiện như cơ hội được sử dụng đất hay thuê đất.

Ba là, đảm bảo quyền bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn xã hội hóa của tất cả các cơ sở đại học. Nếu xác định xã hội hóa giáo dục đại học là sự chia sẻ của các chủ thể phi nhà nước trong hoạt động giáo dục đại học thì yêu cầu bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực cũng như cơ hội thực hiện các hoạt động đào tạo của tất cả các chủ thể có nhu cầu là cần thiết. Việc

tạo quyền bình đẳng này không có nghĩa Nhà nước xóa bỏ mọi rào cản đối với các chủ thể có thể tham gia giáo dục đại học, nhưng đó phải là những rào cản chung, áp dụng cho rất cả các mô hình giáo dục đại học mà không phải là những rào cản liên quan đến vấn đề sở hữu.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của chúng tôi gắn với chủ đề lý luận về xã hội hóa trong giáo dục đại học và pháp luật điều chỉnh hoạt động xã hội hóa giáo dục đại học, xin chia sẻ cùng bạn đọc./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sơ lược về các trường học Hoa Kỳ, Terry M. Moe chủ biên, Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2005, trang 428.
2. Higher education act of 1965.

²¹ Xem Quyết toán Ngân sách Nhà nước 2001-2017, phần chi cho giáo dục (bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển). Nguồn: [## MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOÀN THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH PHẠT TIỀN, GIẢM, MIỄN TIỀN PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/tr/1/vtc/slnsn/slnr/quyettoan?_afLoop=85214592679232437#!%40%40%3F_afLoop%3D85214592679232437%26centerWidth%3D100%2525%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D7c38yipi_155.truy cập ngày 20.11.2019.</p>
</div>
<div data-bbox=)

(Tiếp theo trang 59)

Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao kịp thời phản ánh, kiến nghị khi phát hiện các quy định về XLVPHC có nội dung chưa rõ, khó hiểu, không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để cơ quan, người có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý theo quy định "...nếu phát hiện các quy định về XLVPHC không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, thì kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Bộ Tư pháp để nghiên cứu, xử lý"²², hướng đến mục đích "nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực

hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật"²³.

Thứ tư, tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng về XLVPHC, theo đó, tập trung tập huấn, bồi dưỡng về những kỹ năng chuyên sâu về XLVPHC (trong đó có nội dung về hoàn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt), bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền, tránh một quy định dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau./

²² Xem khoản 2 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017).

²³ Xem: Điều 3 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.